

27

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: **TIẾNG TRUNG CƠ BẢN 4**

Tên học phần bằng tiếng Anh: **GENERAL CHINESE 4**

Mã học phần: **NN01024**

Loại môn học: *Cơ sở*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (trong đó 1.5 tín chỉ lý thuyết, 1 giờ tín chỉ thực hành, 0.5 tín chỉ tự học).

Số tiết học: 97,5 tiết (trong đó 22,5 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành, 45 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 22,5 tiết

Loại học phần: *bắt buộc*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 4

Môn học tiên quyết: tiếng Trung cơ bản 1, 2, 3

Các yêu cầu khác đối với học phần: Không

Bộ môn/Khoa phụ trách: KHOA NGOẠI NGỮ

Văn phòng khoa: NGOẠI NGỮ

Người phụ trách: ThS. Trần Thị Thanh Huyền

Điện thoại, email: 0983 445 866 – tthuyenthanh@gmail.com

Các giảng viên tham gia giảng dạy: Đội ngũ giảng viên tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Số điện thoại di động	Email
1.	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS, GVC	0382355235	xiang51073@yahoo.com
2.	Trần Thị Thanh Huyền	ThS, GVC	0983445866	tthuyenthanh@gmail.com
3.	Nguyễn Hồng Thủy	ThS, GV	0989326549	hongthuyajc@gmail.com
4.	Trịnh Thị Diệu Huyền	ThS, GV	01673651665	huyen.hocvien@gmail.com
5.	Nguyễn Thanh Phương	ThS, GV	0912880642	phanhatkhanganh1@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Kết thúc học phần Tiếng Trung cơ bản 4, sinh viên đạt mức năng lực tiếng Trung bậc trung cấp tương đương với HSK4 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)). Sinh viên có kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cũng như kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để xử lý hầu hết các tình huống với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề trong cuộc sống như đi du lịch, làm việc với công an, phong tục tập quán của người Trung Quốc...

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Trang bị kiến thức cơ bản trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở bậc HSK4

+ **Ngữ âm:** Giao tiếp trong các ngữ cảnh quen thuộc với tốc độ chính xác ở mức chấp nhận được; nhìn chung có khả năng kiểm soát tốt, tuy còn chịu ảnh hưởng rõ ràng của tiếng mẹ đẻ. Vẫn có lỗi, nhưng người nói vẫn thể hiện nỗ lực trong việc diễn đạt ý mình.

+ **Ngữ pháp:** Trang bị các kiến thức ngữ pháp ở bậc trung cấp trong khung năng lực ngoại ngữ. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ có tính “công thức”, hay dùng thường ngày và các mẫu ngữ pháp gắn liền với những tình huống quen thuộc như câu chữ bà, câu bị động, câu tăng tiến, các liên từ kết nối câu ghép dài có 4 đến 5 phân câu...

+ **Từ vựng:** Có đủ vốn từ để diễn đạt ý mình, để có thể miêu tả một cách rõ ràng, bày tỏ quan điểm và triển khai lập luận mà không thấy có dấu hiệu phải tìm từ khi bàn về đa số các đề tài liên quan đến cuộc sống như công việc, du lịch, các sự kiện mới xảy ra, phong tục tập quán...

+ **Văn hóa:** Trang bị một số kiến thức văn hóa của người Trung Quốc liên quan và ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Trung) thể hiện trong các chủ đề như du lịch, có khó khăn thì tìm cảnh sát, một số phong tục tập quán của người Trung Quốc...

Kỹ năng: Phát triển kỹ năng ngôn ngữ ở bậc trung cấp (bậc 4 Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi - 汉语水平考试)

+ **Kỹ năng đọc hiểu:** Có thể hiểu được các bài khóa đơn giản có tính truyền tải thông tin về những đề tài được ưa thích hay thuộc chuyên môn của bản thân với mức độ hiểu chấp nhận được. Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, và thu nhập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể. Tìm ra và hiểu được thông tin phù hợp trong các tài liệu thường nhật, ví dụ như thư từ, sách quảng cáo hay các tài liệu chính thức, ngắn. Nhận ra được lập luận khi đọc về vấn đề, mặc dù chưa hiểu được một cách chi tiết.

+ **Kỹ năng nghe hiểu:** Hiểu được các thông tin sự kiện đơn giản về các đề tài phổ biến hàng ngày hay các đề tài liên quan đến công việc, xác định được cả thông điệp

chính lần ý chi tiết, miễn là ngôn bản phải được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng quen thuộc. Hiểu được thêm điểm chính của những ngôn bản chuẩn, rõ ràng quanh các đề tài quen thuộc, thường gặp tại nơi làm việc, trường học, vui chơi giải trí...bao gồm cả đoạn tường thuật ngắn.

+ **Kỹ năng nói** : Giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hay không thường ngày có liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân. Diễn tả suy nghĩ của mình về các đề tài trừu tượng hay liên quan đến lĩnh vực văn hóa, ví dụ như phim ảnh, sách, âm nhạc...

Tường thuật lại một các chi tiết những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng. Nói về ước mơ, hi vọng và tham vọng, giải thích ngắn gọn cho các ý kiến, kế hoạch và hành động, Trình bày có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về một đề tài quen thuộc trong lĩnh vực của mình một cách rõ ràng và hầu như là dễ theo dõi, với điểm chính được giải thích với tốc độ chính xác phù hợp.

+ **Kỹ năng viết**: Viết được các văn bản đơn giản, dễ hiểu, có liên kết về nhiều loại đề tài quen thuộc ưa thích bằng cách kết nối một loạt các sự kiện cụ thể thành một chuỗi tuyến tính, mô tả đơn giản, chi tiết về nhiều đề tài ưa thích; viết các bài tường thuật về những trải nghiệm, mô tả cảm xúc và phản ứng trong một văn bản đơn giản, có tính kết nối.; viết bài mô tả một sự kiện, một chuyến đi gần đây (có thực hay tưởng tượng); thuật lại một câu chuyện; ghi lại các tin nhắn trao đổi yêu cầu, giải trình vấn đề.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm**: Nâng cao ý thức tự học và luyện tập, đặc biệt là tinh thần chủ động trong việc tiếp xúc với tiếng Trung như đọc, nghe, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ học trên lớp, rèn luyện khả năng tự chủ với môn học, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Có hứng thú với tiếng Trung, có khả năng làm việc độc lập, có đam mê học hỏi và nghiên cứu nền văn hóa Trung Quốc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Ghi nhớ được cách viết chữ Hán, các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở trình độ sơ cấp thấp tương đương HSK 1 (Khung HSK 6 bậc - Hanyu Shuiping Kaoshi (汉语水平考试)).	Nên vấn đề, hỏi đáp, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập
CLO2	Hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản liên quan đến các giao tiếp thiết yếu hàng ngày (gia đình,	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các

	bản thân, mua sắm, hỏi đường, v.v.)		hoạt động học tập
CLO3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, diễn đạt bản thân như viết đoạn văn ngắn và đơn giản, tương tác bằng tiếng Trung một cách phù hợp về văn hoá với các chủ đề tương đối đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày như mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập, bài kiểm tra giữa kỳ
CLO4	Hình thành ý thức, khả năng chủ động trong hoạt động học tập, tự học, tự rèn luyện bằng việc chủ động tiếp xúc với tiếng Trung như đọc, nghe tiếng Trung, giao tiếp bằng tiếng Trung ngoài giờ lên lớp, thông qua kết quả của các hoạt động tự học.	Nêu vấn đề, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, nội dung tự học, hỏi – đáp, quan sát các hoạt động học tập. Bài kiểm tra cuối kỳ

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CĐR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	<p>Bài 1</p> <p>前边开过来一辆空车</p> <p>一、 课文</p> <p>(1) 前边开过来一辆空车</p> <p>(2) 年轻人打扮得越来越漂亮了</p> <p>二、 生词</p>	0		5			5	

		<p>三、注释</p> <p>(一)四合院</p> <p>(二) 在家靠父母，出门靠朋友</p> <p>四、语法</p> <p>(一)人或事物的存在和出现：存现句</p> <p>(二)变化的表达：“越来越....”和“越.....越....”</p> <p>五、练习</p> <p>TỰ HỌC:</p> <p>听录音，做作业，写生词</p>							
2	2	<p>Bài 2</p> <p>为什么把“福”字倒贴在门上</p> <p>一、 课文</p> <p>(一) 我们把教室布置成了会场</p> <p>(二)把对联贴在大门两边</p> <p>(三)为什么把“福”字倒着贴在门上呢？</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	3		2			5	1,2,3,5

		<p>(一)过春节的时候,差不多家家都贴“福”字</p> <p>(二)哟,可不是</p> <p>四、语法: “把”句子</p> <p>五、练习</p> <p>TỰ HỌC: -做练习3, 5, 6 -阅读与录下自己读的课文2</p>							
3	3	<p>Bài 3 请把护照和机票给我</p> <p>一、 课文</p> <p>(一)请把护照和机票给我</p> <p>(二)你把火打开</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一)没什么呀</p> <p>四、语法</p> <p>(一)“把”字句</p> <p>五、练习</p> <p>TỰ HỌC: -写一段文章:</p>		2			3	5	1,2,3,5

		你毕业后的理想工作							
4	4	<p>Bài 4</p> <p>我的腿被自行车撞伤了</p> <p>一、 课文</p> <p>(一) 我的腿被自行车撞伤了</p> <p>(二)钱包让小偷偷走了</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一)还好,骨头没被撞伤</p> <p>(二)钱不多,才几十块钱</p> <p>(三)你说倒霉不倒霉?</p> <p>(四)可气不可气?</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 被动词语的表达:</p> <p>“被”字句</p> <p>(二)又</p> <p>五、练习</p> <p>TỰ HỌC:</p> <p>-做 练习4,7</p> <p>-阅读与录下自己读的课文4</p>	2.5	2.5		5	1,2,3,5		

5	5	<p>Bài 5 京剧看得懂，但是听不懂 一、 课文 （一）京剧看得懂，但是听不懂 （二）她有事，去不了 二、生词 三、注释 （一）脸谱 （二）古代 四、语法 （一）可能补语 (1) （二）动作能否发生或完成：动词+得/不+了 （三）空间能否容纳：动词+得/了 + 下 五、练习 TỰ HỌC: -复习生词，课文 -写一段文章 你家乡的天气</p>	3	2			5	1,2,3,4,5	
6	6	<p>Bài 6 山这么高，你爬得上去</p>		2			3	5	1,2,3,5

		吗 一、 课文 (一) 山怎么高, 你爬上去吗? (二) 我担心自己演不好 二、 生词 三、 注释 (一) 世上无难事, 只怕有心人 (二) 加油 (三) 没问题 四、 语法 (一) 可能补语 (2) (二) 可能补语与状语补语 (三) 只要.....就..... 五、 练习 TỰ HỌC: - 阅读与录下自己读的课文6 - 写一段文章 你学习汉语的情况							
7	7	Bài 7 我想起来了 一、 课文 (一) 我想	3		2			5	1,2,3,4,5

		<p>起来了</p> <p>(二) 我们还想学下去</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一)要是让我们自己花钱可租不起</p> <p>(二)我们公司就搞中外文化交流的</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 动作结果的表达:</p> <p>趋向补语的引申用法</p> <p>(二)只有.....才.....</p> <p>五、练习</p> <p>TỰ HỌC:</p> <p>-做 练习3, 5, 6</p> <p>-阅读与录下自己读的课文7</p>						
8	8	ÔN TẬP + KIỂM TRA GIỮA KỲ	1		4			
9	9	<p>Bài 8</p> <p>寒假你打算去哪儿旅行</p> <p>一、 课文</p> <p>(一) 吃什么都可以</p>	3		2		5	1,2,3,5

		(二) 你 是哪儿冷 去哪儿啊 二、生词 三、注释 (一)“桂林 山水甲天 下” (二)上有天 堂, 下有苏 杭 四、语法 (一)疑问代 词的活用 (二)两个动 作同时进行 行: 一 边... 一 边..... (三)连续动 作的顺序 五、练习 TỰ HỌC: -阅读与录 下自己读的 课文8 -写一段文 章 一次去玩儿							
10	10	Bài 9 有困难找民 警 一、 课文 (一) 吃什 么都可以 (二) 你 是哪儿冷		2			3	5	1,2,3,5

		<p>去哪儿啊</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一)“桂林山水甲天下”</p> <p>(二)上有天堂，下有苏杭</p> <p>四、语法</p> <p>(一)疑问代词的活用</p> <p>(二)两个动作同时进行：一边... 一边.....</p> <p>(三)连续动作的顺序</p> <p>五、练习</p> <p>TỰ HỌC:</p> <p>-做 练习5, 6</p> <p>-阅读与录下自己读的课文9</p>							
11	11	<p>Bài 10</p> <p>吉利的数字</p> <p>+ Ôn tập</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 吉利的数字</p> <p>(二) 宴会上的规矩</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一)相声</p>	1		1.5				1,2,3,5

		(二)什么话 (三)以后你 有什么问题 就来问我好 了 (四)笑一 笑, 十年少 (五)“六”与 “九” 四、语法 (一)反问句 (二)强调意 义的表达: 连.....也/ 都..... (三)强调 肯定: 二次 否定 五、练习 TỰ HỌC: -阅读与录 下自己读的 课文10 -写一段文 章 你的爱好							
		TỔNG	16.5	6	21		9	45	

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1				5				3					3		
CLO2				5				3					3		

CLO3			5			3				3		
CLO4			5			3				3		
Tổng hợp học phần			5			3				3		

6. Phương pháp giảng dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Thuyết trình, giải thích	x	x		
Dạy theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Chia nhóm, cặp	x	x	x	x
Giao bài tập thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn cách tra cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ.	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp học	CLOs			
	(1)	(2)	(3)	(4)
Nghe giảng, tiếp nhận thông tin, ghi chép	x	x		
Học theo tình huống, đóng vai	x	x	x	
Tranh luận, thực hành theo nhóm, cặp	x	x	x	x
Bài tập thực hành cá nhân ở nhà	x	x	x	x
Tự nghiên cứu thông tin trên Internet, chủ động tiếp xúc và tiếp nhận kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ	x	x	x	x

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần:

T T	Tên học phần	Trực tiếp							Trực tuyến (tối đa 30%)								
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Tiếng Trung học phần 4	x	x			x				x	x			x			

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần Tiếng Trung học phần 4

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá			Trọng số	CĐR học phần (CLOs)
	Trực tiếp	Trực tuyến	Cách thức		
Đánh giá quá trình	x	x	Chuyên cần: Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, kết quả hoạt động tự học, quan sát việc gia các hoạt động học ở trên lớp	20%	1,2,3,4,5
Đánh giá giữa kỳ	x		Tự luận + Trắc nghiệm: Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết giữa kì	30%	1,2,3,4,5
Đánh giá cuối kỳ	x		Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp : Sinh viên làm bài viết kiểm tra 3 kĩ năng nghe, đọc, viết và bài nói cuối kì	50%	1,2,3,4,5

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Giờ lý thuyết: Tham dự đầy đủ các buổi học trong chương trình
- Giờ thực hành: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động, tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Giờ tự học: Thực hiện đầy đủ các hoạt động tự học được giảng viên giao, nộp bài kiểm tra/ bài tập cá nhân theo đúng thời hạn quy định

10. Học liệu

10.1. Học liệu bắt buộc

1. 杨寄洲主编 2013. 汉语教程 (修订本)第册二下. 北京语言大学出版社
2. (Dương Ký Châu 2013 Giáo trình Hán ngữ (phiên bản mới) - Quyển 4. Nhà xuất bản đại học ngôn ngữ Bắc Kinh)

10.2. Học liệu tham khảo

1. 邱军主编 2018. 成功之路 II。进步篇。北京语言大学出版社。
2. 刘红英主编 2015汉语水平考试(4级) 北京语言大学出版社
3. 孟国主编 2011 原声汉语 II (初级实况听力教程) 北大版-



GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN
BẢO AN
VÀ TUYÊN TRUYỀN

PGS, TS Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Việt Nga

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Trần Thị Thanh Huyền